

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty

### 1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Cổ phần Lilama 7 tiền thân là Xí nghiệp lắp máy số 7 được thành lập vào tháng 12 năm 1977. Năm 1993, Bộ xây dựng có quyết định thành lập lại Xí nghiệp Lắp máy số 7 thành doanh nghiệp nhà nước và đến ngày 02/01/1996 Bộ xây dựng ra quyết định đổi tên doanh nghiệp thành Công ty lắp máy và xây dựng số 7 trực thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam.
- Theo quyết định số: 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển các Tổng công ty Nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số: 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam gửi các Công ty thành viên năm 2005.
- Công ty lắp máy và xây dựng số 7 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại quyết định số: 1800/QĐ-BXD ngày 28/12/2006 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2006 là: 4.802.502.988 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm linh hai triệu, năm trăm linh hai ngàn chín trăm tám mươi tám đồng*).
- Ngày 29/12/2006 Bộ xây dựng có quyết định số: 1803/QĐ - BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 8 tỷ đồng (trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 4.080.000.000 đồng chiếm 51% và phần vốn góp của các cổ đông công ty chiếm 49%).
- Ngày 15/03/2007 Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức được thành lập theo quyết định số: 392/QĐ-BXD của Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng. Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/03/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001431 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.
- Ngày 23/05/2008 Bộ xây dựng có quyết định số: 717/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/06/2007 để bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cổ phần Lilama 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 7.
- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007 số: 20/Lilama7/ĐHCĐ/NQ ngày 26/08/2007 và quyết định số 06/Lilama7/HĐQT/QĐ/00 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 về việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, tính đến ngày

25/09/2007 Công ty đã phát hành thành công thêm 42 tỷ đồng vốn điều lệ. Toàn bộ 50 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7 đã được Công ty kiểm toán và kế toán ASNAF xác nhận trong báo cáo kiểm toán vốn số: 79/BCKT/TC.

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 01/02/2008 do tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng và thay đổi lần thứ hai vào ngày 09/03/2011 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Theo nhu cầu kinh doanh, Công ty thành lập một Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113025326 đăng ký lần đầu ngày 10/11/2009 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Ngày 30 tháng 09 năm 2010 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định: 748/QĐ-SGDHN quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama 7. Ngày 28/10/2010 Cổ phiếu công ty cổ phần Lilama 7 chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **2. Quá trình phát triển:**

### **• Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty:**

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (Xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp); đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp đặt thiết bị máy móc cho các công trình.
- Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ôxy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng; sản xuất vật liệu xây dựng.
- Gia công, chế tạo, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ khí, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp, đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.
- Khảo sát thiết kế tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray), thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại.
- Các ngành nghề kinh doanh khác theo qui định của Pháp luật.

### **• Tình hình hoạt động:**

---

Công ty cổ phần LILAMA 7 được thành lập và đóng tại Miền Trung đến nay đã được hơn 30 năm, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị từng bước được hiện đại hoá nhằm đáp ứng được với yêu cầu kỹ thuật của các sản phẩm chế tạo hiện tại. Mặt khác, kinh nghiệm thực tiễn đã chứng minh được khả năng và uy tín của Công ty cổ phần LILAMA 7 thông qua việc ký hợp đồng thi công các dự án công trình lớn, công trình trọng điểm như: Trạm 500 KVA Đà Nẵng, thủy điện Rào Quán - Quảng Trị, Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Quảng Ngãi, Nhà máy xi măng Sông Gianh, Nhà máy xi măng Bút Sơn, Nhà máy thủy điện Sông Ông, Công trình thủy điện Bình Điền, thủy điện Đăkpne, thủy điện Sêsan 4, Chế tạo lắp đặt hệ thống thông gió trong hầm Hải Vân ...

Hiện nay, Công ty đang thực hiện thi công các công trình như: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, Công trình thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện An Điền, Nhà máy thủy điện Hương Điền - Huế, Nhà máy xi măng Trung Sơn, Nhà máy xi măng Luxvasi Huế, Công trình đường Láng Hòa Lạc, Cải tạo nâng cấp Bể bơi thành tích cao Đà Nẵng...

Với tinh thần nêu cao ý chí tự lực, tự cường khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết tập trung trí tuệ của toàn thể CBCNV, dưới sự lãnh đạo của HĐQT, Ban giám đốc... đặc biệt là có sự quan tâm của Tổng công ty lắp máy việt nam sẽ đưa Công ty CP Lilama 7 ngày càng phát triển, sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, giữ vững uy tín và thương hiệu LILAMA.

Sự phát triển của Công ty được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến năm 2010:

**DVT: 1000 đồng**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng sản lượng	91.770.000	165.000.000	168.130.000	210.168.000
2	Tổng doanh thu	70.443.000	110.583.000	111.465.000	137.632.998
3	Lợi nhuận trước thuế	2.696.000	1.962.000	5.024.000	5.138.842
4	Vốn điều lệ	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
5	Lao động bình quân	615	843	571	456
6	Thu nhập bình quân (tháng)	2.795	2.925	3.374	3.302
7	Cổ tức/năm	8%	2%	6%	6%

### 3. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty xây dựng mục tiêu phát triển theo đúng đường lối chiến lược của Tổng công ty lắp máy Việt Nam, của Chính phủ trong việc khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng và thi công lắp máy trong nước nâng cao năng lực sản xuất, tiến tới đảm nhận các công trình trọng điểm trong nước với vai trò là Tổng thầu EPC. Đặc biệt, bên cạnh việc nhận hợp đồng xây lắp từ Tổng công ty mẹ phân bổ xuống, Lilama 7 còn chủ động tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường, báo giá, đấu thầu để nhận nhiều công trình trong và ngoài khu vực. Điều này giúp Công ty đảm bảo kế hoạch phát triển doanh thu và duy trì mức tăng trưởng bền vững qua các năm. Đồng thời đáp ứng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, Cổ đông. Cải tạo điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

• **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- **Sản xuất kinh doanh:**

+ Tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm như trong thời gian qua (Chế tạo cơ khí, Lắp đặt thủy điện, Lắp máy, Xây dựng...).

+ Đào tạo nguồn nhân lực phát triển đồng đều, hợp lý cơ cấu nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế; Có chính sách trọng dụng, thu hút nhân tài có năng lực, tinh giảm, bổ sung số lượng hợp lý trong cơ cấu tổng thể của ngành.

+ Chủ động về vốn, tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, hoạch toán chi phí tiết kiệm, tạo nhiều công ăn việc làm tăng thêm thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, tham gia các hoạt động vì lợi ích xã hội, cộng đồng, bảo vệ môi trường vì tương lai đất nước.

- **Tài chính:**

+ Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

+ Tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ, nhưng linh hoạt trong cách sử dụng; theo dõi và kiểm soát các luồng chi phí, cân đối nguồn vốn huy động, phân phối vốn hợp lý cho các công trình tránh trường hợp gây lãng phí vốn, có kế hoạch duy trì lượng vốn sử dụng thường xuyên đảm bảo kịp thời cho các hoạt động SXKD nâng cao hiệu quả sử dụng, trích lập các quỹ để dự phòng các rủi ro có thể xảy ra.

+ Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn với chi phí thấp.

- **Công tác đời sống CBCNV:**

- + Tham gia đầy đủ chế độ chính sách với Người lao động.
- + Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở đội công trình và khu tập thể CBCNV.
- + Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- + Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, sống lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào với địa phương hiệu quả.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:**

### **1. Những nét nổi bật trong năm 2010:**

- Năm 2010 được đánh giá là một năm khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Nguyên nhân chủ yếu do khủng hoảng kinh tế kéo dài, chính sách cân đối vĩ mô không ổn định, lãi suất ngân hàng ngày càng tăng làm cho chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng liên tục, trong bối cảnh đó Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định, điều hành của Tổng giám đốc Công ty trong hoạt động SXKD.
- Trong năm nay HĐQT đã họp 10 phiên vào từng quý và bất thường, từng phiên họp đều được xem xét, đánh giá và đưa ra những nghị quyết chỉ đạo SXKD sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty do vậy, việc giám sát của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 rất chặt chẽ, luôn đi đúng phương hướng và nhiệm vụ SXKD mà Công ty đề ra.

### **2. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010:**

Năm 2010 do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, lãi suất ngân hàng tăng... do vậy, kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm nay không hoàn thành so với kế hoạch mà Nghị quyết số 13 ngày 28/4/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đề ra như sau:

ĐVT: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ % so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	140.000.000	137.632.978	98,3%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.500.000	5.138.842	79,1%
3	Nộp ngân sách	8.000.000	4.967.639	62,1%
4	Tổng quỹ lương		22.355.085	
5	Tiền lương BQ /người/tháng	3.300	3.302	100%
6	Cổ tức	8%	6%	

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Ngày 28/4/2010 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 thông qua việc Tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị. Bầu Ông Trần Anh Đức và Ông Trần Anh Dũng làm thành viên Ban kiểm soát thay ông Thái Anh Tú và ông Nguyễn Viết Nhân.
- Ngày 26 tháng 03 năm 2010 Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Võ Duy Chính trưởng phòng tài chính kế toán giữ chức vụ kế toán trưởng.
- HĐQT quyết định thành lập phòng QA/QC trực thuộc Công ty ngày 31/12/2010.

### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty xác định hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu vẫn chưa chấm dứt, nên việc xây dựng các kế hoạch đầu tư cho năm nay là hết sức cần trọng, chỉ đầu tư các máy móc thiết bị thật sự cần thiết để phục vụ các công trình trọng điểm .
- Tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy. Phát triển toàn diện từ hệ thống nhân lực cho đến trình độ kỹ thuật sản xuất, tham gia thi công các dự án trong và ngoài nước với yêu cầu cao nhất, làm tổng thầu (EPC) các dự án vừa và nhỏ. Sản xuất các sản phẩm kết cấu thép đạt tiêu chuẩn quốc tế đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.
- Trong năm 2011 Công ty cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như

ĐVT: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	230.000.000	
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	155.000.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.200.000	
4	Tỷ lệ cố tức	%	8	
5	Nộp ngân sách	Tr.đồng	9.000.000	
6	Tổng số lao động	Người	600	
7	Tiền lương BQ/Người/tháng	Tr.đồng	3.500	

**III. Báo cáo của Ban giám đốc:****1. Báo cáo tình hình tài chính:**

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	ĐVT
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	48,82	45,74	%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	51,18	54,26	%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	67,84	70,42	%
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	32,16	29,58	%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,47	1,42	Lần
	- Tổng TSLĐ và ĐT ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1,19	1,02	Lần
	- Tổng tiền và các khoản ĐT tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	0,023	0,023	Lần
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,36	2,80	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,08	1,89	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	6,47	6,39	%

**Phân tích các hệ số phù hợp trong kinh doanh:**

Hệ số ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là 1,02 chứng tỏ tình hình tài chính an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31/12/2010 là:

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{60.304.783.861}{5.000.000} = 12.061 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không có
- Tổng số cổ phiếu: 5.000.000 cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 5.000.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức năm 2010: Dự kiến 6%/năm.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:**

*ĐVT: 1000 đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2009
1	Tổng doanh thu	140.000.000	137.632.978	98,3%	123,48%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.500.000	5.138.842	79,1%	102,3%
3	Nộp ngân sách	8.000.000	4.967.639	62,1%	64,4%
4	Tổng quỹ lương		22.355.085		71,65%
5	Tiền lương BQ/người/tháng	3.300	3.302	100%	97,9%
6	Cổ tức/năm	8%	6%		

- Về chỉ tiêu doanh thu toàn Công ty thực hiện 137 tỷ đồng so với doanh thu thuần năm 2009 là 111 tỷ đồng tăng 26 tỷ đồng tương ứng tăng 23,5%.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 5,1 tỷ đồng đạt 102,3% so với năm 2009.



Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2010 tuy doanh thu không đạt kế hoạch đã đề ra, nhưng so với năm 2009 doanh thu vẫn tăng trưởng đều, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động đó là nhờ vào sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và sự đoàn kết phấn đấu của toàn thể CBCNV Công ty.

***b. Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:***

- Thuận lợi:
  - Công ty nhận được sự hỗ trợ tích cực từ công ty mẹ là Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Phần lớn doanh thu hàng năm của Lilama 7 thu được từ các dự án, hợp đồng của Tổng công ty lắp máy Việt Nam.
  - Sự đoàn kết nhất trí cao trong lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
  - Đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ có nghiệp vụ, chuyên môn vững vàng và nhiệt huyết với công việc.
- Khó khăn:
  - Công ty Lilama 7 nằm trên địa bàn miền Trung có tốc độ phát triển công nghiệp thấp so với hai đầu đất nước, do đó khối lượng công việc ít hơn và mức độ cạnh tranh cao hơn nên việc tìm kiếm việc làm rất khó khăn. Các công trình thi công cách xa trụ sở Công ty làm tăng chi phí quản lý.
  - Lãi suất ngân hàng tăng cao làm tăng các khoản chi phí vật tư đầu vào ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:
  - Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao khoán cho các Phòng ban, các đội sản xuất để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
  - Nâng mức thu nhập và tiếp tục cải thiện đời sống cho CBCNV Công ty tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.
  - Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Ngày 22/01/2011 Công ty nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 do tổ chức chứng nhận Quốc tế LRQA chứng nhận đây là sự kiện quan trọng trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Công ty đánh dấu sự phát triển lên tầm cao mới của thương hiệu Công ty cổ phần Lilama 7 lên thị trường.
- Các biện pháp kiểm soát:
  - Từng thành viên trong Ban giám đốc được phân công chỉ đạo trực tiếp các công trình thi công nhằm xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động.
  - Phòng Kinh tế-Kỹ thuật kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án theo từng tháng, quý kịp thời tháo gỡ những khó khăn để đảm bảo tiến độ thi công. Phối hợp với phòng Tài chính-kế toán để lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.
  - Phòng quản lý máy giám sát, kiểm tra quá trình sử dụng máy móc thiết bị, dụng cụ thi công tuân thủ theo quy chế của Công ty ban hành.
  - Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư, kiểm soát kho hàng, việc bốc dỡ, bao gói, vận chuyển, bảo quản, lưu kho vật tư, sản phẩm đầu vào...
  - Phòng Tài chính kế toán phối hợp với Phòng Kinh tế-Kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hóa đơn chứng từ theo luật định.
  - Phòng tổ chức lao động: giám sát quá trình tuyển dụng, quản lý, đào tạo và điều phối nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động.

**IV. Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số N - 04Đ  
Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110,615,159,175</b>	<b>91,668,577,441</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2,463,633,101</b>	<b>186,078,695</b>
1. Tiền	111	<b>V.01</b>	2,463,633,101	186,078,695
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>44,627,751,160</b>	<b>37,850,989,601</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		38,999,571,323	33,060,662,936
2. Trả trước cho người bán	132		4,381,077,674	4,109,195,833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HỖXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.02</b>	1,861,328,893	1,295,357,562
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(614,226,730)	(614,226,730)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55,609,215,258</b>	<b>43,977,264,741</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.03</b>	55,609,215,258	43,977,264,741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,914,559,656</b>	<b>9,654,244,404</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3,457,680,163
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>V04</b>	10,286,984	10,286,984
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,904,272,672	6,186,277,257
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>93,263,251,053</b>	<b>87,737,537,016</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89,195,818,136</b>	<b>86,936,000,311</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.05</b>	29,400,679,531	34,890,413,819
- Nguyên giá	222		59,565,273,453	60,087,921,794
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(30,164,593,922)	(25,197,507,975)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.06</b>	5,195,845,835	5,241,268,784
- Nguyên giá	228		5,490,345,835	5,490,345,835
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(294,500,000)	(249,077,051)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.07</b>	54,599,292,770	46,804,317,708
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,067,432,917</b>	<b>801,536,705</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.08</b>	4,067,432,917	801,536,705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>203,878,410,228</b>	<b>179,406,114,457</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>143,573,626,367</b>	<b>121,755,123,656</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108,204,853,285</b>	<b>76,932,729,605</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.09</b>	55,131,026,716	26,827,674,107
2. Phải trả người bán	312		28,028,476,684	13,796,983,259
3. Người mua trả tiền trước	313		6,407,095,776	11,911,814,288
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.10</b>	3,652,454,644	4,217,511,153
5. Phải trả công nhân viên	315		5,351,960,630	9,247,214,069
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		319,811,400	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<b>V.11</b>	9,332,292,316	11,050,240,152
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(18,264,881)	(118,707,423)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35,368,773,082</b>	<b>44,822,394,051</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>V.12</b>	34,797,317,363	44,280,527,998
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		571,455,719	541,866,053
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>60,304,783,861</b>	<b>57,650,990,801</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>60,304,783,861</b>	<b>57,650,990,801</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
- Ngân sách	411A		25,500,000,000	
- Tự bổ sung	411B		24,500,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,243,508,000	5,243,508,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13,283,047)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		999,619,079	632,624,251
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		350,893,847	163,838,579
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,724,045,982	1,611,019,971
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>203,878,410,228</b>	<b>179,406,114,457</b>
1. Ngoại tệ các loại USD	<b>007</b>		<b>545,37</b>	

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu N-05D  
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.14</b>	<b>137,632,977,655</b>	<b>111,465,220,817</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	02			-
- Chiết khấu bán hàng	02a			-
- Giảm giá hàng bán	02b		-	-
- Hàng bán bị trả lại	02c		-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp	02d		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.15</b>	<b>137,632,977,655</b>	<b>111,465,220,817</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.16</b>	<b>113,097,813,793</b>	<b>88,112,550,589</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24,535,163,862</b>	<b>23,352,670,228</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>VI.17</b>	<b>46,709,445</b>	<b>138,700,526</b>

<b>7. Chi phí tài chính</b>	22	<b>VI.18</b>	<b>9,098,276,613</b>	<b>8,013,993,271</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,910,434,606	7,532,371,271
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24			
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25		<b>11,285,717,917</b>	<b>12,034,707,745</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>4,197,878,777</b>	<b>3,442,669,738</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>	31		<b>2,678,129,149</b>	<b>3,441,290,228</b>
<b>12. Chi phí khác</b>	32		<b>1,737,166,092</b>	<b>2,033,162,135</b>
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>940,963,057</b>	<b>1,408,128,093</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>5,138,841,834</b>	<b>4,850,797,831</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51	<b>VI.19</b>	<b>1,284,710,459</b>	<b>1,239,777,860</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52		-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>3,854,131,375</b>	<b>3,611,019,971</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		<b>771</b>	<b>722</b>

**BÁO CÁO  
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**Mẫu N-06D  
ĐVT: VND**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	<b>01</b>	126.509.162.156	117.830.474.141
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	<b>02</b>	(90.966.522.657)	(78.058.907.420)
3. Tiền chi trả cho người lao động	<b>03</b>	(30.292.114.481)	(30.008.843.774)
4. Tiền chi trả lãi vay	<b>04</b>	(8.910.434.606)	(7.532.371.271)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>05</b>	(1.448.661.496)	(473.474.800)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	<b>06</b>	2.412.073.488	15.015.455.279
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	<b>07</b>	(7.402.280.683)	(4.872.430.516)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(10.098.778.279)</b>	<b>11.899.901.639</b>

<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	<b>21</b>	(6.431.623.727)	(914.640.969)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS	<b>22</b>	529.545.456	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	<b>23</b>	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	<b>24</b>	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<b>25</b>	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<b>26</b>	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	<b>27</b>	46.709.445	95.284.550
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	(5.855.368.826)	(819.356.419)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	<b>31</b>	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	<b>32</b>	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn	<b>33</b>	89.635.531.300	58.132.574.895
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	<b>34</b>	(70.815.389.326)	(67.438.513.996)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	<b>35</b>	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	<b>36</b>	(588.440.463)	(2.385.316.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	18.231.701.511	(11.691.255.901)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	2.277.554.406	(610.710.681)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	186.078.695	796.789.376
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	2.463.633.101	186.078.695

**V. Báo giải trình báo cáo tài chính:**

**1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Tư Vấn Kiểm Toán và Kiểm toán Việt Nam
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 1295 đường giải phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại: (84 - 04).3974 5080 Số fax giao dịch : (84 - 04).3974 5083
- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của Chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ



phần Lilama 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

**2. Kiểm toán nội bộ:** Không có

**VI. Các Công ty con và Công ty liên quan:**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên nắm giữ: 2.550.000 cổ phần tương đương: 25.500.000.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ.
- Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết: Không
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:
  - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên: Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Lilama 7.
  - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010.
  - Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
  - Ngành nghề kinh doanh chính:
    - + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc;
    - + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường trạm biển thê;
    - + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
    - + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
    - + Xuất khẩu lao động, vật tư, thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng.
    - + Đầu tư và xây dựng các công trình, bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hóa, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;
- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: Lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông và đường biển;
- + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các môi hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
- + Đào tạo Công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện đưa người lao động Việt nam (trong và ngoài tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, dây chuyền công nghệ mới;
- + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.
- + Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

## **VII. Tổ chức và nhân sự:**

### **1. Cơ cấu tổ chức của Công ty: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Lilama 7**



### **1.1. Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, tổ chức họp mỗi năm ít nhất 01 lần, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty v.v...

### **1.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

### **1.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

### **1.4. Ban Tổng Giám đốc**

#### ▪ Tổng Giám đốc Công ty:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị đề cử để Tổng Giám đốc công ty mẹ là Tổng công ty lắp máy Việt Nam bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### ▪ Phó Tổng Giám đốc Công ty:

Các Phó Tổng Giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

#### ▪ Kế toán trưởng Công ty:

Kế toán trưởng của Công ty giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **1.5. Các phòng, ban chức năng**

- Phòng Kinh tế - Kỹ thuật:
  - Chủ trì công tác khai thác và mở rộng thị trường, các công việc liên quan đến đấu thầu, thương thảo với khách hàng, dự thảo và rà soát các hợp đồng kinh tế.
  - Cùng các phòng ban liên quan kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đồng thời tổng hợp số liệu từ các phòng ban và báo cáo định kỳ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
  - Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị nguồn vốn và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
  - Tham gia xây dựng tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công; kiểm soát các nhà thầu và đội thi công của Công ty về việc thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật.
  - Tập hợp, lưu trữ và phổ biến các tài liệu kỹ thuật; Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
- Phòng Tài chính - Kế toán:
  - Đảm bảo các hoạt động kế toán trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật kế toán của Nhà nước và các quy chế Công ty ban hành.
  - Theo dõi, kiểm soát toàn bộ các khoản chi phí và doanh thu liên quan đến từng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty.
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư:
  - Lập kế hoạch về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc, tìm nguyên nhân và đề xuất biện pháp giải quyết.
  - Định hướng và lập kế hoạch trung và dài hạn về đầu tư mở rộng và phát triển theo chiều sâu phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của toàn Công ty trước và sau Đại hội đồng cổ đông.
  - Chủ trì phối hợp với các phòng ban liên quan lập kế hoạch kiểm tra định kỳ theo quý, cho các dự án đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Lập kế hoạch tuyển dụng, quản lý, điều phối và đào tạo nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại đơn vị, thời gian làm việc của toàn Công ty.
- Kịp thời công tác thi đua khen thưởng; kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi những người có tâm huyết với nghề.
- Chịu trách nhiệm quản lý trụ sở Văn phòng Công ty, trang thiết bị văn phòng tại Công ty và các đơn vị sản xuất, các dụng cụ hành chính toàn Công ty.
- Quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến sao trích lục các văn bản tài liệu pháp quy của Nhà nước, cấp trên theo luật định
- Tiếp nhận thông tin, xây dựng lịch công tác, lịch giao ban, lịch hội họp sinh hoạt định kỳ và bất thường.
- Đảm bảo điều kiện phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong toàn Công ty.
- Phòng Cung ứng - Vật tư:
  - Lập kế hoạch mua vật tư, sản phẩm cho các công trình, dự án của Công ty. Tham gia đánh giá, khảo sát giá cả để chọn nhà thầu cung cấp vật tư, sản phẩm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.
  - Thực hiện các quy định về sắp xếp, bảo quản, cấp phát thanh quyết toán vật tư, dụng cụ và thu hồi vật tư, dụng cụ từ các công trình; Thực hiện các quy trình kiểm soát vật tư, sản phẩm mua vào do khách hàng cung cấp.
- Phòng Quản lý máy:
  - Đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị, dụng cụ của Công ty sẵn sàng hoạt động; Định kỳ kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị tại các công trình.
  - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để lập kế hoạch và mua sắm phụ tùng thay thế, vật tư cần thiết nhằm đảm bảo toàn bộ máy móc thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động đầy đủ với tính năng thiết kế; Đưa ra biện pháp quản lý phù hợp thực tế sao cho hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị được tối ưu nhất.
- Ban an toàn lao động:
  - Xây dựng quy chế an toàn lao động của Công ty theo quy định của pháp lệnh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

- Lập kế hoạch trang bị bảo hộ lao động, mua sắm và tổ chức cấp phát đúng đối tượng, tiêu chuẩn và thời hạn quy định; Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy phạm về an toàn lao động trong vận hành máy móc thiết bị, đặc biệt là thiết bị đòi hỏi cao về an toàn.

**1.6. Các đội công trình:**

Stt	Các đội công trình
1	Nhà máy Thủy điện Hòa Na
2	Bể bơi thành tích cao Đà Nẵng
3	Dự án mở rộng đường Láng - Hòa Lạc
4	Nhà máy thủy điện Bình Điền - Huế
5	Nhà máy thủy điện Hạ Rào Quán - Quảng Trị
6	Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng - Hà Tĩnh
7	Nhà máy xi măng Trung Sơn Hòa Bình

**2. Số lượng cán bộ nhân viên Công ty:**

Tại thời điểm 31/12/2010 tổng số lao động trong Công ty là 492 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Loại lao động	Số lượng (người)
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	78
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	30
Công nhân kỹ thuật	384
<b>Tổng cộng</b>	<b>492</b>

**3. Chính sách đối với người lao động:**

- *Chế độ làm việc:* Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động. Do đặc thù của ngành xây lắp máy, người lao động của Công ty cổ phần Lilama 7 chủ yếu làm việc tại các công trình xây lắp. Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong quá trình làm việc, Công ty Lilama 7 cắt cử mỗi đội công trình đều

có một ban an toàn chuyên trách có nhiệm vụ giám sát và cấp phát thiết bị an toàn lao động cho công nhân.

- *Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:* Mức lương và thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động và tăng doanh thu cho Công ty. Định kỳ hàng năm (thường là nửa năm) Công ty tổ chức chương trình khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ công nhân viên toàn công ty. Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát, du xuân trong nước và nước ngoài... cho cán bộ nhân viên mỗi khi hoàn thành xong công trình.
- *Chính sách tuyển dụng và đào tạo:* Bên cạnh yêu cầu cao khi tuyển dụng lao động mới, Công ty cũng luôn luôn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực hiện có. Do đặc thù của ngành xây lắp máy và làm việc với các thiết bị phi tiêu chuẩn, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề công nhân. Tổng công ty Lilama có hai trường chuyên đào tạo thợ và nâng cao bậc thợ. Định kỳ 2 năm công ty Lilama 7 sẽ mời các giáo viên ở đây về để đào tạo công nhân, đồng thời tổ chức thi cấp chứng chỉ cho công nhân. Ngoài ra, Công ty Lilama 7 cũng tự tổ chức các cuộc thi nâng bậc thợ cho cán bộ công nhân viên theo các đợt để tăng lương cơ bản và phụ cấp bảo hiểm xã hội.
- *Chính sách cổ tức:* Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
  - Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
  - Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

#### **4. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:**

- **Hội đồng quản trị:**
-



STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Sơn Trường	Chủ tịch HĐQT
2	Tô Minh Thúy	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên HĐQT
4	Trần Hải Sơn	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Vịnh	Ủy viên HĐQT

▪ **Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Sơn Trường	Tổng Giám đốc
2	Tô Minh Thúy	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc
6	Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

▪ **Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Đức Kiên	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

▪ **Kế toán trưởng:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

**A. Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.**

**1. Bùi Sơn Trường - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Bùi Sơn Trường**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 24/03/1970  
Nơi sinh : TP. Nam Định  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 011558619  
Nơi cấp : Công an Hà Nội, Ngày cấp: 26/08/2009  
Quê quán : Đô Lương, Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : Số 20/158 Phố Hoàng Văn Thái, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.  
Số điện thoại liên lạc : 05113 642666.  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Kinh Tế.  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
1994 - 1998	Cán bộ Trường đại học Phương Đông Hà Nội
1999 - 2001	Kỹ sư cơ khí văn phòng đại diện Lilama Phả Lại 2
2001 - 2003	Phó giám đốc dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi.
2003 - 2004	Phó giám đốc Ban dự án Nhiệt điện Uông bí, Tổng công ty lắp máy Việt Nam
2004 - 2005	Trưởng đại diện Lilama tại công trình Xi măng sông Gianh.
2006 - đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
28/4/2010 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc công ty

**2. Tô Minh Thúy – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Tô Minh Thúy**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 12/09/1974  
Nơi sinh : Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 181971614  
Nơi cấp : Công an Nghệ Tĩnh, Ngày cấp: 17/01/1991  
Quê quán : Xóm 5, Xã Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An.  
Địa chỉ thường trú : Tân kỳ, Nghệ An  
Số điện thoại liên lạc : 0913401911  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng.  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
01/1997 - 09/1998	Nhân viên phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
10/1998 - 12/2003	Trưởng phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
01/2004 - 03/2009	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7
04/2009 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

**3. Nguyễn Hồng Thái – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Nguyễn Hồng Thái**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 05/06/1959  
Nơi sinh : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An

---

Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 204319852  
Nơi cấp : Công an Quảng Nam, Ngày cấp: 23/05/1993  
Quê quán : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : An Cư, An Hải Bắc, TP Đà Nẵng.  
Số điện thoại liên lạc : 0913405226  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật  
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
10/1981 – 09/1985	Giáo viên trường kỹ thuật xí nghiệp lắp máy số 7.
10/1985 - 02/1993	Kỹ thuật đội công trình Sợi, Huế.
03/1993 – 12/2004	Trưởng phòng tổ chức lao động Công ty lắp máy & Xây dựng số 7.
01/2005 – 05/2007	Phó giám đốc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
06/2007 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

**4. Trần Hải Sơn - Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Trần Hải Sơn**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 19/02/1970  
Nơi sinh : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 194205436  
Nơi cấp : Công an Quảng Bình, Ngày cấp: 22/08/2000

Quê quán : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình.  
Địa chỉ thường trú : 106 Trưng Nữ Vương, Bình Hiên, Hải Châu, Đà Nẵng  
Số điện thoại liên lạc : 0913412741  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
1997 - 2000	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2000 - 2001	Phó giám đốc xí nghiệp 701, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2001 - 2002	Đội phó đội công trình thuộc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
2002- 2005	Đội trưởng đội Hàm đào Hải vân, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2006 - 2007	Chỉ huy trưởng đội công trình công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2007 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

**5. Nguyễn Vịnh - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên : **Nguyễn Vịnh**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 20/01/1969  
Nơi sinh : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 200957548  
Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 22/07/2004  
Quê quán : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam  
Địa chỉ thường trú : Tổ 30, Thuận An, P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0905202272  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
1998 - 2006	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
2006 - 2008	Phó phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty lắp máy và xây dựng số 7
2008 - 2009	Chỉ huy trưởng Công trình nhà máy lọc dầu Dung quất, Quảng Ngãi, Công ty CP Lilama 7
2009 - đến nay	Trưởng phòng KT - KT, Công ty CP Lilama 7

**6. Lê Văn Bảo – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Lê Văn Bảo**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 31/07/1976  
Nơi sinh : Vĩnh Linh - Quảng Trị  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 197044183  
Nơi cấp: : Công an Quảng Trị Ngày cấp: 29/04/2004  
Quê quán : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị  
Địa chỉ thường trú : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị  
Số điện thoại liên lạc : 0905571791  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
05/2002 - 04/2004	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM lọc dầu Dung Quất
04/2004 - 03/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 – làm việc tại dự án NM Nhiệt điện Phú Mỹ 4.
03/2005 - 05/2005	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Điện - Đạm Cà Mau.
05/2005 - 04/2006	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Xi măng Sông Gianh
04/2006 - 07/2006	Phó Văn phòng đại diện Lilama tại Công trình NM xi măng Sông Gianh
7/2006 - 12/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 – Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất
12/2008 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

**7. Vũ Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Vũ Anh Tuấn**  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 15/03/1979  
 Nơi sinh : Phường Lê Lợi – TP Bắc Giang  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Số CMND : 121239884  
 Nơi cấp : Công an Bắc Giang Ngày cấp: 22/11/1994  
 Quê quán : Liên Sơn – Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 24 - Lê Lợi – Bắc Giang  
 Số điện thoại liên lạc : 0974178888  
 Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
07/2006 đến 10/2006	Kỹ thuật làm việc tại Công trình Nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
10/2006 đến 08/2007	Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh
08/2007 đến 05/2008	Chỉ huy trưởng Công trình Cảng Vật Cách - Hải Phòng
05/2008 đến 01/2009	Phó Tổng Giám đốc - Chỉ huy trưởng Công trình Cảng Vật Cách - Hải Phòng
1/2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty - Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy xi măng Bút Sơn - Hà Nam

**8. Bùi Đức Kiên – Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên : **Bùi Đức Kiên**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 19/12/1971

Nơi sinh : Phương Chiểu - Tiên Lữ - Hưng Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 011452357

Nơi cấp : Công an Hà Nội Ngày cấp: 19/07/2008

Quê quán : Phương Chiểu - Tiên Lữ - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Số nhà 20/29 ngõ 583 phố Kim Ngưu - Phường Vĩnh Tuy - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc : 0913.254.032

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :



<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
02/1994 – 04/1996	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.1
04/1996 – 05/2002	Nhân viên Phòng TCKT - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
05/2002 – 05/2007	Phó phòng Phòng TCKT - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
05/2007 đến nay	Phó Trưởng Ban kiêm Trưởng phòng tài chính - Ban tài chính kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

**9. Trần Anh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên : **Trần Anh Đức**  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 10/06/1982  
 Nơi sinh : Phường Quán Bàu – TP Vinh – Tỉnh Nghệ An  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Số CMND : 182505164  
 Nơi cấp : Công an Nghệ An Ngày cấp: 13/01/2010  
 Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 9 - Khối 12 - Phường Quán Bàu - TP Vinh - Nghệ An  
 Số điện thoại liên lạc : 0903212555  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Điện tử - Viễn thông  
 Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
6/2006 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 7.
03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Tổ chức - Lao động Công ty cổ phần Lilama 7

**10. Trần Anh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên : **Trần Anh Dũng**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 03/05/1977  
Nơi sinh : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 230541849  
Nơi cấp : Công an Gia Lai Ngày cấp: 18/10//2004  
Quê quán : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị  
Địa chỉ thường trú : Tổ 1 - Trung Nghĩa - Hòa Ninh - Liên Chiêu - Đà Nẵng  
Số điện thoại liên lạc : 0983330363  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh  
Quá trình công tác :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Cung ứng - Vật tư Công ty cổ phần Lilama 7.

**11. Võ Duy Chính – Kế toán trưởng**

Họ và tên : **Võ Duy Chính**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 07/03/1969  
Nơi sinh : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Số CMND : 201571657

---

Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 14/02/2006  
Quê quán : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An.  
Địa chỉ thường trú : K382/7 Núi Thành - Đà Nẵng  
Số điện thoại liên lạc : 0903520007  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1994 - 1996	Ban Thanh tra UBND Huyện Tân Kỳ - Nghệ An
1996 - 2000	Cán bộ Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
2000 - 03/2009	Phó phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7 (Công ty Cổ phần Lilama 7)
04/2009 - 03/2010	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Lilama 7
03/2010 - đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7

**B. Hoạt động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:**

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định, điều hành của Tổng giám đốc Công ty trong hoạt động SXKD.
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không thành lập các tiểu ban
- Hoạt động của Ban kiểm soát:
  - + Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ Công ty.
  - + Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội cổ đông thường niên xem xét quyết định.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của Hội đồng quản trị hoạt động trong quản lý và điều hành để đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
- Công ty hỗ trợ tối đa để HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành công việc theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp , phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao phó.

**C. Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:**

<b>Stt</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Số tiền/năm (ĐVT:đồng)</b>
1	Chủ tịch HĐQT	25.320.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	67.520.000
3	Trưởng ban kiểm soát	16.880.000
4	Thành viên ban soát (2 người)	25.320.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135.040.000</b>

**D. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị , Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng (phần sở hữu cá nhân):**

Stt	Họ Và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày niêm yết đến ngày 31/12/2010
1	Bùi Sơn Trường	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	34.380
2	Tô Minh Thúy	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	49.921
3	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	7.252
4	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20.364
5	Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng KTKT	7.124
6	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	0
7	Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	6.275
8	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng	9.008
9	Bùi Đức Kiên	Trưởng BKS	5.000
10	Trần Anh Dũng	Thành viên BKS	0
11	Trần Anh Đức	Thành viên BKS	0

Cổ đông lớn: không có giao dịch.

• **Giao dịch cổ phiếu người có liên quan:**

Stt	Họ và tên NLQ	Quan hệ nhân thân	Họ và tên NSCC	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch bán trong năm 2010	Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch
1	Quách Thị Dạ Thảo	Vợ	Trần Anh Đức	TV.BKS	500	0

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát trong năm 2010: Không có giao dịch.

**5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:**

**5.1. Cơ cấu cổ đông:** Tại thời điểm 31/12/2010.

Stt	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	1	2.550.000	25.500.000.000	<b>51</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	10	139.324	1.393.240.000	<b>2,79</b>
-	Ban giám đốc	6	125.316	1.253.160.000	2,51
-	Kế toán trưởng	1	9.008	90.080.000	0,18
-	Ban kiểm soát	3	5.000	50.000.000	0,10
<b>3</b>	<b>Cổ đông trong và ngoài công ty</b>		2.310.676	18.906.330.000	<b>46,21</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

**5.2. Cổ đông lớn:**

Cổ đông	Địa chỉ	Số đăng ký kinh doanh	Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	124 phố Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	0100106313	2.550.000	51%

Cổ đông lớn: Không có giao dịch.

*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7**